

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HS-ST
Ngày: 07/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận;

Ông Nguyễn Đăng Bảy;

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đàm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 37/2021/HSST ngày 14 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo:

Bùi Thanh T, sinh năm 1985 tại Ninh Bình

Nơi cư trú: Thôn 6, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Thanh T1 và bà Nguyễn Thị Th; Vợ tên Huỳnh Châu Thanh Th và 02 người con lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền sự: 01 (Ngày 01/9/2003, bị UBND huyện B, tỉnh Bình Phước đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 12/01/2009, bị Công an TT. Ph, huyện Ph, tỉnh Bình Phước xử phạt hành chính 350.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 04/11/2011, bị UBND huyện B, tỉnh Bình Phước đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc thời hạn 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 29/11/2019, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt

buộc thời hạn 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo chưa chấp hành)

Tiền án: 01 (Ngày 09/5/2013, bị Tòa án nhân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm tù về Tội mua bán trái phép chất ma túy, theo bản án số 40/2013/HSST)

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 20/10/2020 đến ngày 05/3/2021 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

1/ Người bị hại:

- Chị Hoàng Thị Hồng H, sinh năm: 1992

Nơi cư trú: Thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bà Lê Thị Ch, sinh năm: 1984

Nơi cư trú: Thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Anh Đoàn Trọng T, sinh năm: 1982

- Chị Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm: 1986

Cùng cư trú tại: Tổ 1, thôn Ph, xã Ph, huyện Ph, tỉnh Bình Phước

2/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lê Văn Th, sinh năm: 1982

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1959

Cùng cư trú: Thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1962

- Chị Huỳnh Châu Thanh Th, sinh năm: 1980

Cùng cư trú: Thôn 6, xã M, huyện , tỉnh Bình Phước

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa; Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 10 giờ ngày 26/02/2016, Bùi Thanh T điều khiển xe mô tô biển số: 47B1 - 050.20 chở Nguyễn Đại Nh đi từ nhà Bùi Thanh T thuộc thôn 6, xã M, huyện B để về nhà Nguyễn Đại Nh tại xã L, huyện Ph, tỉnh Bình Phước. Trên đường đi cả hai ghé vào quán nước giải khát “Gia V” thuộc thôn Ph, xã Ph, huyện Ph, tỉnh Bình Phước uống nước. Khi vào quán, Nguyễn Đại Nh ngồi ở ghế ngay cổng quán, còn Bùi Thanh T đi vào trong quây gọi nước, nhưng không thấy ai trả lời. Lúc này, Bùi Thanh T thấy trên quây có 02 chiếc điện thoại di động hiệu Sam sung Note 4 và OPPO của anh Đoàn Trọng T (là chủ quán) đang cắm sạc nên nảy sinh ý định trộm cắp. Bùi Thanh T dùng tay rút 02 điện thoại trên ra khỏi dây sạc và bỏ vào túi quần rồi đi ra gọi Nguyễn Đại Nh lên xe chạy khỏi quán đi về hướng thành phố Đ. Trên đường đi, Bùi Thanh T lấy hai chiếc điện thoại di

động vừa trộm được đưa cho Nguyễn Đại Nh và nói “Tắt nguồn đi”. Nguyễn Đại Nh cầm 02 chiếc điện thoại và hỏi “Điện thoại lấy ở đâu”. Bùi Thanh T trả lời: “Lấy trộm ở quán cà phê lúc nãy”. Sau đó, Nguyễn Đại Nh tắt nguồn 02 điện thoại rồi bỏ vào túi quần đang mặc. Khi đến thành phố Đ cả hai ghé vào cửa hàng điện thoại di động Minh V II thuộc phường T, thành phố Đ do anh Hồ Lê Ch làm chủ. Tại đây, Bùi Thanh T nói Nguyễn Đại Nh đưa 02 chiếc điện thoại di động để Bùi Thanh T vào bán, qua trao đổi Bùi Thanh T đã bán được một chiếc điện thoại di động hiệu OPPO cho anh Hồ Lê Ch được 1.100.000đ, chiếc điện thoại còn lại Bùi Thanh T bỏ vào túi quần. Số tiền bán điện thoại Bùi Thanh T đi mua ma túy cùng Nguyễn Đại Nh sử dụng. Khoảng 16 giờ cùng ngày, Bùi Thanh T đưa cho Nguyễn Đại Nh 50.000đ rồi chở Nguyễn Đại Nh đến ngã tư thành phố Đ thì bị Công an phường T, thành phố Đ kiểm tra thu giữ trên người Bùi Thanh T chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 4.

Vụ thứ hai: Khoảng 13 giờ ngày 08/8/2020, Bùi Thanh T điều khiển xe mô tô biển số: 72F8-7912 của bà Nguyễn Thị Th (là mẹ ruột Bùi Thanh T) đi từ xã B ra xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước. Khi đi ngang qua nhà bà Lê Thị Ch thuộc thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước thì trời đổ mưa nên Bùi Thanh T đi vào hiên nhà trú mưa. Tại đây Bùi Thanh T phát hiện nhà bà Lê Thị Ch không có ai, trên thùng xe máy cày dựng ở hiên nhà có 01 máy xịt thuốc (gồm 01 đầu bơm, 01 máy nổ chạy bằng xăng gắn trên một dàn khung kim loại) và 01 máy hàn điện để dưới đất cạnh xe máy cày nên nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Bùi Thanh T đi lại bê máy xịt thuốc và máy hàn ra để lên xe chở lên xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông bán cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lý lịch) được 1.000.000 đồng tiền tiêu xài cá nhân

Vụ thứ ba: Khoảng 14 giờ ngày 05/10/2020, Bùi Thanh T điều khiển xe mô tô biển số: 72F8-7912 đi từ nhà vào hướng xã B. Khi đi ngang qua nhà chị Hoàng Thị Hồng H thuộc thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước Bùi Thanh T phát hiện không có người ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bùi Thanh T để xe ngoài cổng rồi đi bộ vào trong nhà chị Hoàng Thị Hồng H lấy 01 Ipad mini và 01 điện thoại di động bỏ vào túi quần rồi đi ra điều khiển xe về hướng tỉnh Đắk Nông. Trên đường đi, Bùi Thanh T đã bán tài sản trộm được cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lý lịch) được 1.200.000đ tiền tiêu xài cá nhân

Tại Kết luận định giá tài sản số: 16/KL-ĐG ngày 01/3/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ph, tỉnh Bình Phước kết luận: 01 điện thoại di động SAMSUNG - GALAXY Note 40 và 01 điện thoại di động OPPO tại thời điểm xảy ra tội phạm có giá trị 11.240.500 đồng

Tại Kết luận định giá tài sản số: 194/KL-ĐG ngày 27/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B, tỉnh Bình Phước kết luận: 01 máy xịt thuốc và 01 máy hàn điện tại thời điểm xảy ra tội phạm có giá trị 3.100.000 đồng

Tại Kết luận định giá tài sản số: 237/KL-ĐG ngày 02/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự huyện B, tỉnh Bình Phước kết luận: 01 Ipad

mini và 01 điện thoại di động tại thời điểm xảy ra tội phạm có giá trị 5.300.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là: 19.640.500 đồng.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 145/KL-VPYTW, ngày 22/02/2021 của Viện pháp y tâm thần trung ương Biên H, kết luận:

- Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đang sự bị nghiện Heroin/ Rối loạn nhận thức nhẹ do chấn thương sọ não.

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

+ Tại thời điểm gây án: Đang sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

+ Hiện nay: Đang sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại bản cáo trạng số: 40/CT – VKS.BĐ ngày 14/ 5/ 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Bùi Thanh T về “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị Bùi Thanh T phạm “Tội trộm cắp tài sản”;

Về hình phạt, áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, g khoản 2 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Thanh T từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bùi Thanh T.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình Bùi Thanh T đã bồi thường cho người bị hại Lê Thị Ch số tiền 7.500.000 đồng. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn Th, ông Nguyễn Văn D không yêu cầu giải quyết về việc bồi thường thiệt hại nên không xem xét giải quyết.

Buộc bị cáo Bùi Thanh T bồi thường thiệt hại cho người bị hại Hoàng Thị Hồng H số tiền là 5.300.000đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bùi Thanh T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo Bùi Thanh T thừa nhận đã được nhận đầy đủ các văn bản tố tụng và không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, không có ý kiến hay khiếu nại gì về các kết luận giám định, định giá tài sản. Bị cáo đồng ý với nội dung cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Quá trình giải quyết vụ án người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định, kết luận định giá và hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án, người bị hại chị Hoàng Thị Hồng H yêu cầu bị cáo Bùi Thanh T bồi thường 10.000.000đ.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Do lười lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài nên Bùi Thanh T đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau: Ngày 26/02/2016, Bùi Thanh T cùng Nguyễn Đại Nh trộm cắp 02 điện thoại di động có trị giá 11.240.500 đồng của anh Đoàn Trọng T, chị Nguyễn Thị Ngọc Th tại thôn Ph, xã Ph, huyện Ph, tỉnh Bình Phước. Ngày 08/8/2020, Bùi Thanh T trộm cắp 01 máy xít thuốc và 01 máy hàn điện trị giá 3.100.000 đồng của bà Lê Thị Ch tại thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Ngày 05/10/2020, Bùi Thanh T trộm cắp 01 Ipad mini và 01 điện thoại di động trị giá 5.300.000 đồng của chị Hoàng Thị Hồng H tại thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là: 19.640.500 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội.

Như vậy, bị cáo Bùi Thanh T đã lợi dụng sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản rồi lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản, quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Bùi Thanh T phạm “Tội trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Bùi Thanh T là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 03 lần đều trên hai triệu đồng. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên”. Ngoài ra, bị cáo còn có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm”. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về nhân thân của bị cáo: Bản thân bị cáo có 01 tiền án về tội mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục phạm tội, thể hiện bản tính coi thường pháp luật của bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo. Sau khi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần hậu quả; Tại thời điểm thực hiện hai vụ trộm vào năm 2020 bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do di chứng của vụ tai nạn giao thông. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo có con còn nhỏ là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xét toàn bộ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Gia đình Bùi Thanh T đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại Lê Thị Ch với số tiền 7.500.000 đồng. Người bị hại bà Lê Thị Ch, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn Th, ông Nguyễn Văn D không yêu cầu giải quyết về việc bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, người bị hại anh Đoàn Trọng T và chị Nguyễn Thị Ngọc Th không có yêu cầu giải quyết về việc bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th, chị Huỳnh Châu Thanh Th không có yêu cầu giải quyết đối với số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo Bùi Thanh T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, người bị hại chị Hoàng Thị Hồng H yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại với số tiền 10.000.000đ. Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thanh T không đồng ý bồi thường với số tiền 10.000.000đ mà chỉ đồng ý bồi thường giá trị tài sản bị cáo lấy trộm là 5.300.000đ. Xét, tại Kết luận định giá tài sản số: 237/KL-ĐG ngày 02/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước kết luận: 01 Ipad mini và 01 điện thoại di động tại thời điểm xảy ra tội phạm có giá trị 5.300.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án chị Hoàng Thị Hồng H không có khiếu nại gì về kết luận định giá. Mặt khác, chị Hoàng Thị Hồng H không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh tài sản bị Bùi Thanh T trộm cắp có giá trị là 10.000.000đ. Tại Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Thiệt hại do tài sản bị xâm phạm bao gồm: 1. Tài sản bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng”*. Bị cáo Bùi Thanh T thừa nhận 01 Ipad mini 4, hiệu Apple và 01 điện thoại di động Realme C11 do bị cáo lấy trộm và đã bán cho người khác không thu hồi được. Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu của chị Hoàng Thị Hồng H, buộc bị cáo Bùi Thanh T phải bồi thường thiệt hại cho Hoàng Thị Hồng H với số tiền 5.300.000đồng.

[7] Đối với Nguyễn Đại Nh là người giúp bị cáo Bùi Thanh T cất giữ tài sản trộm cắp để tìm nơi tiêu thụ đã được giải quyết trong bản án hình sự sơ thẩm số 62/2016/HSST ngày 28/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Ph, tỉnh Bình Phước nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về vật chứng vụ án:

Đối với điện thoại di động Samsung Galaxy Note 4 và điện thoại Oppo màu xanh lam đã được giải quyết trong bản án hình sự sơ thẩm số 62/2016/HSST ngày 28/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Ph, tỉnh Bình Phước nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với 01 máy xịt thuốc và 01 máy hàn điện, 01 Ipad mini và 01 điện thoại di động, Bùi Thanh T bán cho người không rõ nhân thân, lý lịch nên không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với xe mô tô biển số: 72F8-7912 là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Th, Bùi Thanh T sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nhưng bà Nguyễn Thị Th không biết. Ngày 02/12/2020, Cơ quan CSĐT – Công an huyện B đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Th là đúng quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với xe biển số: 47B1 - 050.20, nhãn hiệu Sirius màu đen, số máy 60250995, số khung 61030995 chưa xác định được chủ sở hữu, đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện B tiếp tục xác minh xử lý sau.

Đối với 01 áo sơ mi dài tay sọc xanh nền trắng, 01 quần Jean dài xanh bạc, 01 đôi dép da màu đen hiệu CAT, 01 mũ lưỡi trai màu kem nhãn hiệu DKNY là đồ vật của bị cáo Bùi Thanh T. Bị cáo Bùi Thanh T không có yêu cầu nhận lại. Xét thấy, đồ vật nói trên không còn giá trị sử dụng. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là người bị hạn chế năng lực hành vi, có con còn nhỏ, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về án phí: Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định: *“Người bị kết án phải chịu án phí theo quyết định của Tòa án”*. Do đó, bị cáo Bùi Thanh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Bùi Thanh T phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, q khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Bùi Thanh T 24 tháng tù giam. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/10/2020 đến ngày 05/3/2021.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Căn cứ Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Bùi Thanh T phải bồi thường thiệt hại cho chị Hoàng Thị Hồng H với số tiền 5.300.000 đồng (năm triệu ba trăm nghìn đồng)

3/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi dài tay sọc xanh nền trắng, 01 quần Jean dài xanh bạc, 01 đôi dép da màu đen hiệu CAT, 01 mũ lưỡi trai màu kem nhãn hiệu DKNY (theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0009850, lập ngày 11/5/2021)

4/ Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Bùi Thanh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

5/ Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKS và Chi cục THA huyện B;
- Sở tư pháp và Công an tỉnh BP;
- Bị cáo;
- Người tham gia TT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh